

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /GPMT-UBND

Hà Tiên, ngày 08 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Liên hiệp
Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Hà Tiên ngày 30
tháng 01 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình
số 72/TTr-TNMT ngày 06 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Hà Tiên, địa chỉ tại số 20, đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Hà Tiên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Hà Tiên.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số 20, đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 0301175691-037; đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2017; đăng ký thay đổi lần thứ 05, ngày 06 tháng 6 năm 2023; do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
- 1.4. Mã số thuế: 0301175691-037.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: siêu thị.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Phạm vi, quy mô: cơ sở được xây dựng tại số 20, đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 3.780,5 m², cơ sở thuộc phân loại vào danh mục dự án nhóm C theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.



- Công suất của cơ sở: Siêu thị Co.opmart Hà Tiên có công suất phục vụ tối đa là 1.000 khách/ngày. Nhân viên phục vụ là 44 người. Thời gian phục vụ: từ 8 giờ đến 22 giờ hằng ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo: Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Hà Tiên được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Hà Tiên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 08 tháng 3 năm 2024 đến ngày 08 tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *liu*

Nơi nhận:

- Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Hà Tiên;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Đông Hồ;
- Lưu: VT.



Mai Quốc Thắng

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24/GPMT-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: nguồn phát sinh nước thải chủ yếu của Siêu thị Co.opmart Hà Tiên là nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhu cầu sử dụng nước cho nhân viên, khách hàng và khu vực sơ chế, chế biến thức ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực tại đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°30', múi chiều 3°): X = 1148269; Y = 498569.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ, liên tục các ngày trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, với K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	mg/l	(5-9)	06 tháng/lần	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	06 tháng/lần	
3	TSS	mg/l	100	06 tháng/lần	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	06 tháng/lần	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	06 tháng/lần	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	06 tháng/lần	

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
7	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50	06 tháng/lần	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	06 tháng/lần	
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	06 tháng/lần	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	06 tháng/lần	
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000	06 tháng/lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của siêu thị được thu gom bằng ống PVC 60Ø, Ø90, Ø114 và Ø168 vào bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được đầu nối với đường ống thu gom nước thải (Ø114mm và Ø168mm) nằm âm bên dưới lối đi nội bộ và chảy về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đối với nước khu vực sơ chế và chế biến thức ăn: được đưa qua bể tách mỡ sơ cấp để loại bỏ thịt vụn và một phần mỡ kích thước lớn. Sau đó, được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø200mm dẫn vào bể tách mỡ thứ cấp để loại bỏ váng dầu mỡ trong nước thải. Nước thải sau bể lắng thứ cấp sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải → Hồ thu gom → Bể tách dầu mỡ 01, 02, 03 → Bể điều hòa → Bể sinh học Anoxic → Bể sinh học MBBR → Bể sinh học hiếu khí Aerotank A, B (2 bể) → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày. đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine dạng bột.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ đúng theo hướng dẫn về lưu trữ và bảo quản đối với các hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải để phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất trong quá trình vận chuyển và lưu trữ.

- Lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật và phải có sự giám sát trong thi công xây dựng và vận hành; nhân viên được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ; thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị đang hoạt động; thay thế, sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng; có thiết bị, máy móc dự phòng để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do hư hỏng các thiết bị.

- Bố trí nhân viên có chuyên môn để vận hành các công trình xử lý môi trường và có khả năng ứng phó, khắc phục các sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố phải thực hiện ngay việc bảo trì, bảo dưỡng, xử lý sự cố để hệ thống xử lý nước thải vận hành ổn định, hiệu quả.

- Lập sổ nhật ký theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống: lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý định kỳ nhằm đánh giá hoạt động của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân viên của cơ sở; chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường.

2.3. Quản lý, kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải (định kỳ kiểm soát, hạn chế sự cố tắc nghẽn do chất rắn lơ lửng, đảm bảo dòng chảy, hoạt động ổn định của hệ thống)./.